TRAO ĐỔI Ý KIẾN

XUNG QUANH SỨ BỘ NĂM 1863 - 1864 CỦA TRIỀU ĐÌNH TỰ ĐỨC

NGUYỄN VĂN GIÁC*

Thất bại trong cuộc chiến trước quân đội viễn chinh của thực dân Pháp tại phần lớn các tỉnh Nam Kỳ, triều đình Tự Đức buộc phải đàm phán với đối phương và ký kết Hiệp ước Nhâm Tuất ngày 5-6-1862, với nội dung cơ bản là đồng ý nhượng cho Pháp ba tỉnh Gia Định, Định Tường và Biên Hòa, đồng thời chấp nhận thanh toán bồi thường chiến tranh 4 triệu đồng bạc trả dần trong hạn định 10 năm.

Ngay sau đó, vị Hoàng đế triều Nguyễn nhận thấy hiện trạng Nam Kỳ dường như có thể được cải thiện tại chính trường Pháp quốc bởi Hoàng đế Louis-Napoléon Bonaparte; bởi vậy, lập tức một Sứ đoàn của Vương quốc Đại Nam đã được cắt đặt và thừa hành mà viên đại thần tín nhiệm hàng đầu không ai khác hơn lại chính là người vừa thay mặt triều đình đặt bút ký Hiệp ước Nhâm Tuất. Phan Thanh Giản trở thành vị Chánh sứ dẫn đầu Sứ bộ sang Pháp, cùng với hai cộng sự gồm Phó sứ Phạm Phú Thứ, Bồi sứ Ngụy Khắc Đản và khoảng 64 phái viên do triều đình Huế cử, thêm 9 phái viên do Nhà cầm quyền Sài Gòn đài thọ.

Cùng với trọng trách to lớn mà những người đứng đầu Sứ bộ phải thực thi, điều đặc biệt hơn còn thể hiện ở những bản ghi chép mà các vị sứ thần tái hiện và tích hợp để dâng lên triều đình Huế. Được biết cho đến nay, ít nhất có hai bản văn đã được dịch thuật và công bố, gồm *Tây hành nhật ký (Tự Đức năm thứ 16 Quý Hợi - 1863)* của Phó sứ Phạm Phú Thứ và *Như Tây ký (1863 - 1864)* của Bồi sứ Ngụy Khắc Đản. Ngoài ra, có thể kể thêm một công trình chuyên khảo riêng về Chánh sứ Phan Thanh Giản vừa được dịch thuật và xuất bản thời gian gần đây đó là *Phan Thanh Giản - Nhà ái quốc, người mở đường cho nước Việt Nam hiện đại: Những năm cuối đời (1862 - 1867)*, trong đó có một phần nội dung liên quan đến sứ mệnh bang giao Đại Nam - Pháp này. Như vậy, không kể đến các sáng tác văn chương mang tính cách cá nhân, cả ba vị đại thần đứng đầu Sứ bộ đều có những dấu ấn đương thời được ghi nhận bởi chính bản thân hoặc học giới về sau. Đây là nguồn tư liệu quý về sự kiện bang giao mang ý nghĩa trọng đại đối với thời kỳ khởi đầu của lịch sử cận đại Việt Nam.

Hiển nhiên, các công trình sử học kể trên sẽ thuần túy trở thành những tư liệu đắt giá về một thời đoạn đặc biệt của lịch sử dân tộc Việt Nam, nếu như một số diễn giải thuộc công việc giới thiệu, bình chú văn bản không vấp phải các nhầm lẫn hay sai lệch đáng tiếc. Tựu trung, khiếm khuyết xảy ra đối với hai tài liệu *Như Tây ký (1863 - 1864)* và *Phan Thanh Giản - Nhà ái quốc, người mở đường cho nước Việt*

*TS. Trường Đại học Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

Nam hiện đại: Những năm cuối đời (1862 - 1867), trên căn bản hai nội dung: (1) Nhiệm vụ bao quát của Sứ bộ; (2) Một số diễn trình sự kiện.

Về nhiệm vụ của Sứ bộ

Ở phần dẫn nhập có tiêu đề "*Như Tây ký (1863 - 1864)*: *Thời công nghệ nhìn lại thuở tân văn mới ngỏ*", tác giả thực hiện phiên dịch và khảo cứu cho rằng "Sứ đoàn đăng trình với kỳ vọng và mệnh lệnh của vua Tự Đức là thực thi ngoại giao làm sao để được trả lại mà *không phải chuộc* [ND nhấn mạnh] phần đất đai ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ", mà theo đó trong *Lời Nhà xuất bản* của Nhà xuất bản Đại học Sư phạm cũng tóm lược hầu như y nguyên: "Sứ đoàn đăng trình với kỳ vọng và mệnh lệnh của Hoàng đế Tự Đức là thực thi ngoại giao làm sao để được trả lại mà *không phải chuộc* [Nxb. nhấn mạnh] ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ đã bị mất vào tay Pháp sau Hiệp ước Nhâm Tuất năm 1862" (1).

Làm sao trước dã tâm thực dân trắng trợn của một liệt cường hàng đầu Tây phương mà một vị Hoàng đế nổi tiếng chữ nghĩa nhất nhì của nước Đại Nam lại có thể ngờ nghệch "kỳ vọng và mệnh lệnh" cho triều thần một cách phi lý như vậy? (2). May thay, ở *Lời giới thiệu* của sử gia Nguyễn Thế Anh, cho biết một quan điểm tỉnh táo về tiệm cận thực tế của đấng quân vương là "Lòng tin tưởng mà vua Tự Đức đặt vào Ngụy Khắc Đản đã được biểu lộ rõ rệt nửa năm trước, khi nhà vua quyết định phái một sứ bộ đi Pháp và Tây Ban Nha để thương lượng việc chuộc lại ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ (Gia Định, Biên Hòa, Định Tường) đã phải nhượng cho Pháp " (3). Rõ ràng, vấn đề thương lượng về việc chuộc đất khác hẳn với việc không phải chuộc mà vẫn được hoàn trả đất đai/lãnh thổ.

Hãy trở lại với cuộc thảo luận cuối cùng tại sân chầu ở Kinh thành Huế vào tháng 5 năm Quí Hợi/1863, ngay sau ngày triều triều đình Tự Đức chính thức thành lập Sứ bộ biệt phái sang Pháp quốc và thực hiện việc tu chỉnh lần chót những thỉnh cầu lên vị Hoàng đế của nền Đế chế II:

- "Sai Hiệp biện Đại học sĩ là Phan Thanh Giản, Lại bộ Tả tham tri Phạm Phú Thứ, Án sát Quảng Nam là Ngụy Khắc Đản đi sang sứ Tây Dương (Thanh Giản sung làm Chánh sứ, Phú Thứ sung làm Phó sứ, Khắc Đản sung làm Bồi sứ) Chuyến đi lần này đã định liệu trước là phải nói thế nào cho tất được. Nếu họ không nghe, thì nên ở lưu lại mà nói, cốt cho chuyển động lòng họ Hãy đem 2 - 3 việc quan trọng mà bàn, còn thì chẳng qua là sửa định lại mà thôi. Bèn sai sửa chữa lại tờ quốc thư";

"Về ước cũ nói: Nguyên địa phương ở 3 tỉnh Biên Hòa, Gia Định, Định Tường và 1 xứ Côn Lôn, đều thuộc về quý quốc quản hạt. Lại nói: Nước tôi phải bồi thường cho quý quốc và nước Y Pha Nho 400 vạn đồng về tiền chi phí quân nhu của 2 nước, cần phải trong 10 năm trả cho đủ. Sơ tâm của quý quốc vốn không tham đất đai của người. Nay đã hòa hảo, mà cắt lấy 3 tỉnh của nước tôi, lại bắt bồi quân phí đến số bằng ấy, nước tôi rất lấy làm riêng chịu quá nặng. Huống chi địa thế các tỉnh miền Nam liền nhau, nếu quý quốc chiếm lấy 3 tỉnh ấy, thì hai đầu về tỉnh Bình Thuận, An Giang, đường lối thủy bộ đi lại bị cách trở, có nhiều điều không tiện. Xem như nước Anh Cát Lợi về khoản nghị hòa với nước Thanh, cũng lấy bạc bồi mà giao trả lại tỉnh thành Quảng Đông, thì xử sự và nghĩa đối với nhau đều được cả đôi, tưởng quý quốc cũng nên như thế. Nay yêu cầu ở tỉnh thành cũ Gia Định, mới dựng nên đã thành cơ chỉ rồi và các chỗ đất phụ cận ở ngoài thành Định Tường, xứ Thủ Dầu Một thuộc về Biên Hòa, đất phố thông thương

và một xứ Côn Lôn, xin thuộc về quý quốc cai quản và đóng ở. Còn ngoài ra nước tôi đã bồi số bạc quân phí, thì đất thuộc về 3 tỉnh ấy xin trả lại cho nước tôi, nếu có phải bù thêm số bạc nhiều ít bao nhiêu, nước tôi cũng vui lòng lo liệu chu thỏa" (4).

Điều kiện nêu ra trong việc thương lượng sửa đổi Hiệp ước Nhâm Tuất 1862 được phía triều đình Tự Đức lựa chọn các điều khoản chính yếu tương đồng từ Hiệp ước Nam Kinh (1842) giữa Anh - Trung Quốc làm căn bản đối sánh. Nếu triều đình Mãn Thanh buộc phải chấp nhận mở 5 cảng khẩu, cắt nhượng Hương Cảng và bồi thường chiến phí 21 triệu lạng bạc cho Anh thì triều đình Huế cũng đưa ra thỏa thuận cắt nhượng vùng phố cảng Sài Gòn - Gia Định, phụ cận thành Mỹ Tho, đồn Thủ Dầu Một và toàn bộ Poulo Condor, bồi thường chiến phí 4 triệu đồng bạc và sẵn sàng chi trả một ngân khoản cao hơn để được tái thụ đắc phần lớn lãnh thổ thuộc ba tỉnh vừa mất về tay người Pháp (5). Rõ ràng, sứ mệnh được giao phó của Sứ bộ là một mặt kiến nghị Hoàng đế Napoléon III giải quyết vấn đề cưỡng đoạt lãnh thổ Đông Nam Kỳ của Hiệp ước Nhâm Tuất theo tinh thần Hiệp ước Nam Kinh, mặt khác đề đạt giải pháp chuộc đất bằng việc trả bạc, không kể khoản bồi thường chiến phí vốn đã quá cao.

Nội dung bức quốc thư mà vua Tự Đức trao cho Hoàng đế Napoléon III thông qua Chánh sứ Phan Thanh Giản cũng thể hiện những đề xuất tương tự một cách khá cụ thể, như sau:

"[Hoàng thượng] sẽ thấy việc gắn bó với thương mại và truyền đạo Thiên Chúa sẽ thuận lợi hơn như thế nào, chắc chắn sẽ mang lại [...] lợi nhuận lâu bền và vĩnh cửu.

Hãy xem hành vi của nước Anh tại Trung Hoa [ ]

Chúng tôi nghĩ rằng nếu Bệ hạ sẽ bắt chước cách làm tương tự như vậy [ ]

Rằng Bệ hạ muốn xem xét sửa đổi [theo Hiệp ước] bao gồm việc bảo tồn quyền sở hữu thành Sài Gòn, cũng như các tòa nhà, nhà cửa và hàng hiệu mới được dựng lên và hoàn thiện.

Ở tỉnh Định Tường một địa điểm được chọn bên ngoài thành Mỹ Tho, và cuối cùng là đồn Thủ Dầu Một, thuộc tỉnh Biên Hòa. Thương điếm và hàng hiệu sẽ được thành lập ở đó; đảo Poulo Condor cũng sẽ được nhượng toàn quyền cho Bệ hạ" (6).

Hoàn toàn không có một kỳ vọng và sứ mệnh nào từ phía vua Tự Đức đối với Sứ bộ do Chánh sứ Phan Thanh Giản dẫn đầu phải thực thi để được Pháp quốc trả lại đất đai ba tỉnh Đông Nam Kỳ mà "không phải chuộc", thay vì hoặc cắt nhượng bằng các tụ điểm thương mại hay đồn lũy quân sự chiến lược, hoặc đánh đổi bằng nguồn tài khố sinh tồn của quốc gia. Ngoài ra, lời đề nghị của triều đình Tự Đức đến Pháp còn có thể gợi ý về một kế hoạch chinh phục và khai thác thuộc địa hợp lý hơn đối với Pháp quốc, bằng cách giới hạn phạm vi chiếm đóng nhằm tận dụng lợi thế thương mại tại các trung tâm đã được xác định; đúng như sự tóm lược của vị Bộ trưởng Hải quân và Thuộc địa đương nhiệm Chasseloup-Laubat trong một báo cáo của mình: " bắt chước những gì người Anh làm ở Trung Hoa có phải tốt hơn là cố gắng làm theo tấm gương của họ ở Ấn Độ, nơi đế chế của họ chỉ dựa trên các tranh chấp mỗi ngày" (7).

Về lịch trình của Sứ bộ ở Pháp

Các tác giả của *Phan Thanh Giản - Nhà ái quốc, người mở đường cho nước Việt Nam hiện đại: Những năm cuối đời (1862 - 1867)*, trong khi dẫn lại và phân tích một số trích thuật từ tài liệu của Paulin Vial, đã cho rằng " ngày 13 bắt tàu hỏa từ Marseille đến ga Lyon ở Paris, ngày 18 ở lại tại một biệt thự, số 17 đường Lord Byron, cạnh đại lộ Champs Élysées. Họ đã

được Ngoại trưởng Drouyn de Lhuys tiếp kiến vào ngày 18 tháng 9 " (8).

Đối chiếu với *Tây hành nhật ký (Tự Đức năm thứ 16 Quý Hợi - 1863)* của Phó sứ Phạm Phú Thứ, có sự sai lệch thời gian về mốc khởi hành lẫn ngày giờ và điểm đến. Nhật trình ghi chép chi tiết cho cả hai loại lịch âm - dương như sau: từ Marseille, "Ngày 30-7 (12-9-1863) giờ Tỵ xe [tàu] bắt đầu chạy Ngày mồng 1-8 (13-9-1863) Đầu giờ Sửu đến thành Lyon Đầu giờ Dậu tàu đến ngoài thành Paris Tính ra, từ Marseille đến Paris tàu lửa đi hết 1 ngày 4 giờ [4 canh giờ, tương đương 8 giờ đồng hồ Tây - TG], cộng được hơn 1.463 dặm" (9).

Thực tế, lộ trình đường sắt Marseille - Lyon - Paris trên quãng đường dài có cộng số 320km + 470km, tính vận tốc trung bình xấp xỉ 25km/h không kể các khoản thời phí nghỉ ngơi đối với phương tiện đương thời là hoàn toàn khả thi.

Về việc Sứ đoàn di chuyển bằng tàu lửa

Dịch giả *Như Tây ký (1863 - 1864)* nhấn mạnh trải nghiệm của Sứ đoàn bởi phương tiện hỏa xa rằng: "Từ Marseille, lần đầu tiên sứ bộ nước Nam biết tới phương tiện đường sắt ở Pháp, ngày 12 tháng Chín, cả đoàn lên tàu hỏa và tới Paris vào Chủ nhật, khoảng 5 giờ chiều ngày 13 tháng Chín cùng năm" (10). Thực ra, ngay từ lúc chuyển tàu tại kênh Suez vào lúc gần cuối ngày 18-8-1863 để tiếp tục di chuyển bằng đường bộ đến Địa Trung Hải qua hải cảng Alexandrie trên cuộc hành trình sang Pháp, Sứ đoàn Đại Nam đã được vận hành bằng phương tiện cơ giới hiện đại này rồi.

Nhật trình do Phó sứ Phạm Phú Thứ cho biết: "Ngày mồng 6-7 (19-8-1863) Giờ Mão, trấn quan [thành Suez - TG] đã chuẩn bị một đoàn tàu lửa riêng và phái một đội âm nhạc tới tiễn hành. Rieunier, Kha-lôi-ni-y [các quan chức người Pháp - TG] đến đưa thần đẳng lên tàu. Trong thành liên tiếp nổ 19 phát đại bác chào mừng; rồi giờ Thìn, tàu bắt đầu chạy" (11). Cũng chính vì lần đầu được trải nghiệm, sứ thần Phạm Phú Thứ đã mô tả rất chi tiết về loại phương tiện vận hành lạ lẫm đặc biệt này như sau:

"Loại tàu lửa này do các hãng xe ở bên Tây chế tạo, đầu máy làm bằng sắt trong chứa than, nước, cơ khí và có cả chỗ ngồi cho thợ máy; sức nó lôi được từ mười cho đến sáu bảy mươi toa xe, mỗi toa bốn bánh. Các toa chia làm ba hạng: nhất, nhì và ba; hạng ba chuyên để tải hàng, hạng nhì để cho khách bình dân, hạng nhất dành riêng cho hành khách sang trọng. Lần này chuyến tàu được đặt thêm một toa riêng cho Khâm sứ, vừa cao vừa rộng, hai bên đều có cửa kính, trên có trần, trong có bàn ghế, ghế nằm, ghế tựa đều bọc bằng gấm, coi rất lịch sự. Người ta cho biết tàu này là tàu dự phòng của Quốc trưởng nên mới được trang hoàng đặc biệt như vậy.

Đường tàu, bờ [bề] rộng ước độ 5 trượng được đắp rất thẳng, những chỗ gồ ghề được san bằng, nếu gặp núi thì đục xuyên qua, gặp sông thì bắc cầu sắt, cầu đá; trên bộ có hai đường ray sắt ngậm lấy bánh xe; chỗ hẹp thì đặt một lối, chỗ rộng ba, bốn lối. Cách năm mười dặm, có một nhà ga. Ban ngày treo cờ, đêm thì đốt đèn. Khi tàu sắp tới ga, người xếp [sếp?/nhân viên trực - TG] ga, tay cầm lá cờ đỏ cuộn lại, ra đứng trước sân, hoặc cái đèn pha lê màu đỏ. Đó là dấu hiệu cho hay không có gì trở ngại, người cầm máy cứ việc cho tàu đi qua, nhược bằng không thấy treo cờ hay đốt đèn xanh, tức là phía trước có tàu thì phải ngừng lại, để tiện tránh nhau. Lúc sắp khởi hành cũng phải có thì giờ nhất định, và đánh điện báo cho nhà ga trên hay. Khi qua đường hầm và qua cầu đều phải kéo còi báo

hiệu. Tàu đi rất mau, mỗi giờ trung bình được 200 dặm.

Giữa giờ Ngọ, tàu đến thành Kê (Le Cairo) tức là thủ đô của nước Ai Cập. Tính ra tàu đi vừa đúng hai giờ [2 canh giờ, tương đương 4 giờ đồng hồ Tây - TG], được hơn hai trăm dặm (ấy là kể cả lúc tàu đỗ lại lấy thêm dầu, thêm than, trong lúc đó các nhân viên dùng trà)" (12).

Được biết, việc xây dựng kênh đào Suez tại thời điểm Sứ đoàn Đại Nam ghé qua vẫn chưa hoàn thành, do Công ty Kênh đào Suez chủ quản với người đứng đầu vừa là Tổng Công trình sư vừa là Nhà ngoại giao nổi tiếng Ferdinand de Lesseps và được sự hậu thuẫn của chính phủ Pháp. Bởi vậy, đặc quyền khai thác các tuyến giao thông vận tải mang tính cách trung chuyển trên đất nước Ai Cập đương thời phần lớn cũng do người Pháp chuyên trách. Lộ trình đường sắt mà Phó sứ Phạm Phú Thứ mô tả nói trên chắc chắn đã là một trong những thành tựu kỹ thuật ưu trội của nước Pháp vào lúc khởi đầu thời đại độc quyền của chủ nghĩa tư bản châu Âu.

Nhìn lại, các công trình dịch thuật và biên khảo liên quan đến cuộc ngoại giao Đại Nam - Pháp năm 1863 - 1864, như *Như Tây ký (1863 - 1864)* hay *Phan Thanh Giản - Nhà ái quốc, người mở đường cho nước Việt Nam hiện đại: Những năm cuối đời (1862 - 1867),* mặc dù có một số sai sót như đã chỉ ra, thiện chí của bài viết này cũng chỉ mong đạt đến sự hoàn thiện về chất lượng tác phẩm, tương xứng với giá trị to lớn về mặt tư liệu cho việc nghiên cứu lịch sử ở vào thời kỳ tương ứng.

CHÚ THÍCH

(1), (3). Ngụy Khắc Đản, *Như Tây ký (1863 - 1864)*, phiên dịch và khảo cứu: Cao Việt Anh, hiệu đính bản dịch: Trần Thị Giáng Hoa, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2019, tr.7-8, 11-12, 16-17.

(2). Về sự ham mê và trình độ học vấn của vua Tự Đức, Yoshiharu Tsuboi đưa ra đánh giá rằng "Tự Đức có vẻ là một trong những người uyên bác bậc nhất thời đó và là một môn đồ nồng nhiệt đối với Khổng học"; xem: Yoshiharu Tsuboi, *Nước Đại Nam đối diện với Pháp và Trung Hoa (1847 - 1885)*, in lần thứ ba có sửa chữa, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, 1999, tr.206.

(4). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục,* chính biên đệ tứ kỷ IV (1863 - 1865), tập XXX, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1974, tr.21-23.

(5). Riêng khoản bồi thường chiến tranh 4 triệu hay 400 vạn đồng bạc, triều đình Huế kiến nghị sửa đổi nâng thời hạn chi trả lên 20 năm hoặc 30 năm, thay vì 10 năm theo quy định của Hiệp ước Sài Gòn; xem: Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục,* sđd, tr.24; Phan Thị Minh Lễ, Pierre Ph. Chanfreau, *Phan Thanh Giản - Nhà ái quốc, người mở đường cho nước Việt Nam hiện đại: Những năm cuối đời (1862 - 1867)*, Phan Tín Dụng dịch, Nxb. Hà Nội, Hà Nội, 2019, tr.110.

(6), (8). Phan Thị Minh Lễ, Pierre Ph. Chanfreau, *Phan Thanh Giản - Nhà ái quốc, người mở đường cho nước Việt Nam hiện đại: Những năm cuối đời (1862 - 1867)*, sđd, tr.109-110, 113-114.

(7). Chasseloup-Laubat, Báo cáo ngày 4 tháng 11 năm 1864, M.D. Asie. Micr. N^0 29, tr.196-228; trong: Phan Thị Minh Lễ, Pierre Ph. Chanfreau, *Phan Thanh Giản - Nhà ái quốc, người mở đường cho nước Việt Nam hiện đại: Những năm cuối đời (1862 - 1867)*, sđd, tr.121-122.

(9), (11), (12). Phạm Phú Thứ, *Phạm Phú Thứ toàn tập*, tập II, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng, 2014, tr. 501, 502, 525-529.

(10). Ngụy Khắc Đản, *Như Tây ký (1863 - 1864)*, phiên dịch và khảo cứu: Cao Việt Anh, hiệu đính bản dịch: Trần Thị Giáng Hoa, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2019, tr.18.